TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2025/DSST-HNGĐ
Ngày: 31 - 12 - 2025
V/v ly hôn giữa bà H và ông D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Thẩm
2. Bà Phan Kim Hoa

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hưng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 225/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh ngày 25/11/1974; Căn cước công dân: 040174022098 do Bộ C cấp ngày 20/9/2024; Nơi thường trú: khối A, phường N, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là phường V, tỉnh Nghệ An); Nơi ở hiện nay: Số A, ngõ F, Đoạn S, đường Z, quận L, thành phố Đ, Đài Loan – vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Tùng A, sinh năm 1997; Nơi thường trú: khối B, phường N, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là phường V, tỉnh Nghệ An); Điện thoại: 0912.947.258 – có mặt.

2. Bị đơn: Ông Uông Văn D, sinh ngày 04/02/1963; Căn cước công dân: 040063016959 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 10/8/2021; Nơi ĐKNKTT: Nơi thường trú: khối A, phường N, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là phường V, tỉnh Nghệ An); Điện thoại: 0989.455.622 – vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Trần Thị H *vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà* H *trình bày:* Bà Trần Thị H và ông Uông Văn D đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 04/4/2017 tại UBND xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là phường V, tỉnh Nghệ An). Sau khi kết hôn, bà H và ông D chỉ chung sống hạnh phúc với nhau được thời gian ngắn. Đến năm 2020, bà H sang Đài Loan để làm việc thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, do vợ chồng sống xa cách nhau nên tình cảm ngày càng phai nhạt. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay không có trách nhiệm gì với nhau. Nay bà H thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm thực sự không còn, không thể sống chung với nhau được nữa nên bà H làm đơn xin được ly hôn với ông Uông Văn D.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống bà H và ông D không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Uông Văn D *vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong trong quá trình giải quyết vụ án ông* D *trình bày:* Ông Uông Văn D và bà Trần Thị H đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 04/4/2017 tại UBND xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là phường V, tỉnh Nghệ An). Ông bà chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian cho đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà Trần Thị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Cuộc sống vợ chồng bị xa cách, không còn có sự sẻ chia, cảm thông cho nhau nên tình cảm vợ chồng càng ngày càng phai nhạt. Dần dần theo thời gian thì ông bà không còn liên lạc với nhau, không có trách nhiệm gì với nhau. Ông D và bà H đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay ông D thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể sống chung với nhau được nữa nên bà Trần Thị H làm đơn xin ly hôn thì ông D cũng đồng ý ly hôn để giải thoát cho nhau.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống bà H và ông D không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ. Việc tống đạt các văn bản cho các đương sự tham tố tụng thực hiện đúng quy định bảo đảm quyền lợi nghĩa vụ của

họ. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị H và ông Uông Văn D.

[2]. Về nuôi con chung: Bà H và ông D không có con chung nên miễn xét.

[3]. Về tài sản chung: Bà H và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4]. Về án phí: Buộc bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Bà Trần Thị H đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài khởi kiện xin ly hôn ông Uông Văn D có Nơi ĐKNKTT tại K (N cũ), phường V, tỉnh Nghệ An. Bà H1 và ông D đều là công dân Việt Nam. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn bà Trần Thị H, bị đơn ông Uông Văn D theo đúng quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H, ông D đều có đơn nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H kết hôn với ông Uông Văn D trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là phường V, tỉnh Nghệ An) vào ngày 04 tháng 04 năm 2017. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống giữa bà H và ông D thấy rằng: Bà H và ông D chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian cho đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, cuộc sống vợ chồng bị xa cách, không còn có sự sẻ chia nên tình cảm vợ chồng càng ngày càng phai nhạt. Dần dần theo thời gian thì bà H, ông D không còn liên lạc với nhau. Bà H và ông D đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay không có trách nhiệm gì với nhau. Như vậy, có thể khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông D trên thực tế không còn tồn tại, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị H là phù hợp pháp luật nên cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Trần Thị H được ly hôn ông Uông Văn D.

[2.2]. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông D không có con chung nên miễn xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà H, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4]. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị H và ông Uông Văn D.

[2]. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000975 ngày 08/10/2025.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Bị đơn ông Uông Văn D vắng mặt có quyền kháng cáo trong

thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Nghệ An;
- THA dân sự tỉnh Nghệ An;
- UBND p. N (Nay là p. V, Nghệ An)
(Đăng ký kết hôn số 39 ngày 04/4/2017);
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hoa